TRAO ĐỔI

TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ CỦA ISLAM

Nguyễn Thị Hồng Hạnh*

Bộ môn Ngôn ngữ & Văn hoá Ả rập,
Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN
Phạm Văn Đồng, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Nhận bài ngày 13 tháng 08 năm 2019
Chỉnh sửa ngày 30 tháng 12 năm 2019; Chấp nhận đăng ngày 30 tháng 03 năm 2020

Tóm tắt: Islam giáo là tôn giáo lớn thứ hai trên thế giới và đang có tốc độ phát triển số lượng tín đồ mạnh mẽ trên khắp năm châu lục. Trong bối cảnh ấy, Islam ngày càng đóng vai trò quan trọng trong đời sống xã hội, đặc biệt là lĩnh vực chính trị. Không thể phủ nhận rằng những sự kiện xảy ra gần đây cho thấy tầm ảnh hưởng của các tư tưởng chính trị trong Islam đối với các hoạt động chính trị, quân sự là vô cùng sâu sắc. Trong khuôn khổ bài viết này, tác giả trình bày đặc điểm tư tưởng chính trị của Islam giáo thông qua các bình diện: luật pháp của Islam, trật tự xã hội Islam, quyền lực chính trị Islam. Những phân tích này cho thấy Islam không chỉ là tôn giáo đơn thuần mà còn là đường lối chính trị; đồng thời sự đánh giá của bài viết sẽ giúp ích cho nghiên cứu về tình hình chính trị tại các quốc gia mà đạo Islam phổ biến, lý giải nguyên nhân của các diễn biến chính trị, quân sự phức tạp hiện nay ở khu vực Trung Đông và châu Phi.

Từ khoá: luật pháp Islam, trật tự xã hội Islam, quyền lực chính trị Islam

1. Khái niệm tư tưởng chính trị

Từ điển Bách khoa Việt Nam quyển I định nghĩa, "Chính trị: toàn bộ những hoạt động có liên quan đến các mối quan hệ giữa các giai cấp, giữa các dân tộc, các tầng lớp xã hội, mà cốt lõi của nó là vấn đề duy trì, sử dụng quyền lực Nhà nước. Sự xác định hình thức tổ chức, nhiệm vụ, nội dung hoạt động của Nhà nước" (Từ điển Bách khoa Việt Nam, 2000, tr.478)

Tư tưởng chính trị tập trung vào các vấn đề quyền lực, công bằng, quyền, luật pháp và các câu hỏi liên quan đến quản lý công. Keneth L.Deutsch trong sách *An Invitation to Political Thought* đã đề cập đến sáu nhóm nội dung chính của tư tưởng chính trị, đó là:

- Xung đột giữa con người với con người – bản chất và nguyên nhân;

- Theo đuổi quyền lực;

- Các thoả thuận hợp tác xã hội có khả năng giải quyết hoặc làm giảm bớt các vấn đề xã hội;

- Các nền tảng đạo đức của tính hợp pháp chính trị, tự do, bình đẳng và nhân quyền;

- Ai nên cai trị: một, một vài hay nhiều?

- Nhà nước và bản chất nhà nước: mục đích và ranh giới

(Deutsh & Fornieri, 2009)

Tuy nhiên, tư tưởng chính trị Islam không chỉ bao quát các vấn đề thuộc lĩnh vực chính

* ĐT: 84-911538738
Email: honghanh.nguyen.89@icloud.com

trị thông thường được chấp nhận rộng rãi ở phương Tây mà trung tâm của tư tưởng này còn giải quyết các câu hỏi liên quan đến chuẩn mực đạo đức của toàn bộ tín đồ Muslim. Các tín đồ Muslim, bao gồm cả người cai trị và người bị trị, phải thoả mãn đầy đủ những yêu cầu nhất định trước Thiên Chúa. Như vậy, tư tưởng chính trị Islam phải được xem xét từ góc độ tính thiêng của nó, từ những nền tảng của tôn giáo để định hình những khuôn khổ của xã hội nhất định. Xuất phát từ những khảo sát trên, bài viết này đưa ra ba tiêu chí để xem xét tư tưởng chính trị trong Islam; đó là: tư tưởng về luật pháp, tư tưởng về trật tự xã hội và tư tưởng về quyền lực chính trị.

2. Nền tảng của Islam

Năm trụ cột chính của Islam là:

- Shahadah: sự tuyên xưng, sự khẳng định "không có Thượng đế nào khác ngoài Allah" và "Muhammad là Thiên sứ của Ngài".

- Salat: cầu nguyện. Tín đồ Muslim phải cầu nguyện năm lần một ngày, phải tuân theo quy định các bước trước và trong cầu nguyện.

- Zakat: từ thiện (hay bố thí). Người Muslim phải có nghĩa vụ trao cho những người khó khăn thông qua việc đóng góp khoản tiền tương đương 2,5% thu nhập hàng năm.

- Sawm: nhịn ăn. Mọi tín đồ phải nhịn ăn vào ban ngày trong tháng Ramadan, trừ trẻ em, người già và người ốm đau bệnh tật. Những người đang có việc phải đi xa không phải nhịn ăn nhưng họ sẽ thực hành sau đó.

- Hajj: hành hương. Đối với những tín đồ có khả năng, điều kiện cho phép phải thực hiện hành hương ít nhất một lần trong đời tới thánh địa Mecca ở Arab Saudi. Mục đích chuyến đi nhằm thể hiện sự phục tùng đối với Allah.

Bên cạnh việc tuân thủ năm trụ cột chính, người Muslim cũng phải tuyệt đối tin tưởng Thiên Kinh Qur'an – được cho là mặc khải của Allah. Qur'an có thể hiểu là Thánh Thư được tiết lộ cho các nhà tiên tri như Torah trao cho Moses, Phúc Âm cho Jesus và Qur'an cho Muhammad. Kinh Qur'an có độ dài gần bằng Tân Ước của Kito giáo và được chia làm 114 chương (sura). Chương đầu tiên là al-Fatiha có nghĩa là mở đầu, chỉ gồm 7 câu (aya) và là chương được đọc nhiều nhất trong toàn Thiên Kinh. Hầu hết người Muslim trên toàn thế giới sẽ đọc chương này bằng tiếng Arab. Nội dung của Qur'an đề cập đến nhiều chủ đề khác nhau nhưng tất cả đều làm nổi bật điều quan trọng nhất, đó là: mối quan hệ giữa Allah và con người. Một số chủ đề chính trong Qur'an gồm: một Thượng đế - Allah duy nhất, sự tồn tại của thế giới tâm linh (ví dụ: niềm tin vào các thiên thần), Satan là biểu tượng của quỷ dữ, sự sáng thế và mặc khải của Allah thông qua các nhà tiên tri, thái độ đối với các tôn giáo khác, cuộc sống sau khi chết, Qur'an là cội nguồn của luật pháp (Abdullah Saeed, 2006).

Sunna được coi là nguồn quyền lực quan trọng thứ hai đối với người Muslim, chỉ sau Thiên Kinh Qur'an. Sunna là hành vi chuẩn mực của nhà tiên tri Muhammad. Sunna được ghi chép lại trong Hadith. Hadith có nghĩa gốc là "mới", được sử dụng để chỉ một câu chuyện hay một báo cáo. Tuy nhiên, sau đó, Hadith được hiểu là những câu nói, hành động hay những mô tả về nhà tiên tri Muhammad mà các người bạn đồng hành đã ghi chép.

Shariah và Fiqh: Một nền tảng quan trọng nữa của Islam là Shariah. Shariah thường được hiểu là luật Islam giáo. Tuy nhiên, giải thích như vậy sẽ gây hiểu nhầm với Fiqh, một thuật ngữ khác cũng mang nghĩa là luật Islam hay luật Islam học. Thuật ngữ Shariah thường được kết hợp cùng với các từ như con đường, cách thức. Vì vậy, có thể nói Shariah có nghĩa là *đạo* - con đường, cách thức mà Allah đã định ra cho con người tuân theo để đạt tới sự cứu rỗi triệt để. Trên con đường thực hành điều Allah răn dạy ấy, những câu

nói và hành động của nhà tiên tri Muhammad (Sunna) sẽ giúp soi sáng, hỗ trợ tín đồ làm điều đúng đắn. Trong khi đó, Fiqh lại có mối quan hệ chặt chẽ với Shariah. Nghĩa gốc của Fiqh là kiến thức, hiểu biết về một điều gì đó. Fiqh được sử dụng dưới dạng động từ, danh từ trong Sunna và Qur'an đều có nghĩa là hiểu biết. Như vậy, ý nghĩa của Fiqh không chỉ bị giới hạn trong vấn đề pháp lý mà mang nội hàm rộng lớn, bao quát hơn. Tuy nhiên, quá trình cố gắng diễn giải giáo lý của Qur'an đã mang lại một khối kiến thức lớn về các tài liệu pháp lý, thần học và khổ hạnh. Tất cả các nguyên tắc Shariah này đều được gọi là Fiqh trong thời kỳ đầu của Islam. Sau đó, hai nhánh nghiên cứu về thần học (Kalam) và khổ hạnh (Sufism) đã phát triển mạnh hơn khiến cho Fiqh chỉ được áp dụng cho phần về kiến thức pháp lý (Saeed, 2006).

Một số thuật ngữ quan trọng bao gồm:

Qur'an: Kinh Thánh được mặc khải của Allah cho nhà tiên tri Muhammad

Sunna: Hành động, lời nói mẫu mực của nhà tiên tri Muhammad

Shariah: Luật Islam, có nghĩa là *đạo* - con đường phải theo

Fiqh: Luật Islam hay luật học Islam

Qiyas: Án lệ

Tafsir: Diễn giải hoặc chú giải Kinh Qur'an

Usul al-Fiqh: nguyên tắc và nguồn gốc luật học Islam

Ijma: một thoả thuận, nhất trí giữa các học giả Muslim về một vấn đề pháp lý

Fatwa: Một quan đểm về luật pháp Islam hay một giải pháp đối với vấn đề nào đó

3. Tư tưởng chính trị của Islam

Các quốc gia Muslim cho rằng Islam không chỉ là lối sống được đa số người dân tuân theo mà còn là nguồn gốc của các nguyên tắc chuẩn mực cho trật tự xã hội (Bowering, 2015) Islam không có một "giáo hội" chung nhất, không có hàng giáo phẩm, chức trách nhất định. Những điều này khiến cho Islam không thể tách ra khỏi chính trị.

3.1. Luật pháp của Islam

Trước Islam, các thể chế pháp lý của người Arab đã xuất hiện và có tính chuyên nghiệp ở một số lĩnh vực. Đặc biệt người Arab ở Mecca, Ti'if và Medina, nơi có mối quan hệ thương mại với Nam Arab, Byzantine Syria và Iraq đã dành sự quan tâm cho việc phát triển luật cao hơn so với những người du mục Bedouin. Các luật này thường tập trung trong lĩnh vực kinh doanh, tài chính, bao gồm cả các bước kỹ thuật cho vay có lãi. Các thương nhân Arab chấp hành luật thương mại với thái độ nghiêm túc. Bên cạnh các hợp đồng thương mại, người ta cũng tìm thấy những dấu vết của hợp đồng nông nghiệp được cho là xuất phát từ Medina. Tuy nhiên chúng ta không nên kết luận rằng những phác thảo luật tài sản, hợp đồng và nghĩa vụ trong đạo Islam là một phần của luật tục tại thời điểm này, các nghiên cứu gần đây về lịch sử luật Islam đã bác bỏ điều này (Schacht, 1982).

Bên cạnh điểm nhấn của sự phát triển luật trong lĩnh vực tài chính, kinh doanh, sự thiếu vắng những quy định rõ ràng về nhiệm vụ, quyền lợi cá nhân, gia đình; quyền thừa kế; đặc biệt là luật hình sự có thể coi là khoảng trống dẫn đến sự bất ổn định trong xã hội trước Islam. Cá nhân không được bảo vệ về mặt pháp lý, hình thức tra tấn phổ biến trong xã hội, những mối huyết thù tràn lan. Thêm vào đó, không có định chế về chế độ gia đình, quan hệ tình dục giữa hai bên không có cam kết rành rọt, tính liên kết hôn nhân lỏng lẻo, tình trạng đa thê không có giới hạn khiến cho tình trạng xã hội rối ren từ đơn vị nhỏ nhất là gia đình. Chế độ nô lệ hay lấy vợ lẽ là nô lệ được coi là điều hiển nhiên.

Từ khi Islam ra đời, cùng với Thiên Kinh Qur'an, những điều luật cho từng cá nhân đã được xác định phải tuân theo như cầu nguyện, nhịn ăn tháng Ramadan, hành hương, thánh chiến. Không chỉ như vậy, xã hội nói chung cũng phải hoạt động dựa trên những nguyên tắc nhất định về hôn nhân, ly dị, giao dịch kinh doanh và hình phạt cho tội phạm. Những luật này nhằm mục đích hiện thực hoá lý tưởng của Islam, đó là: tôn giáo cùng với luật áp dụng cho các cá nhân nhằm mục đích tạo ra ý thức về sự tồn tại của Thiên Chúa và tạo ra những con người có đạo đức với ý thức phân biệt cái đúng, cái sai (Saeed , 2006). Shariah đề cập đến toàn bộ cách thức mà tín đồ phải tuân theo: từ mức độ rất cụ thể như chế độ ăn uống, cho tới một số luật hình sự. Đôi khi, chúng lại là những nguyên tắc, giá trị mà Qur'an và Sunna muốn thấm nhuần vào các tín đồ như sự nhắc nhở phải luôn công bằng trong mọi giao dịch, luôn hành động trung thực…

Sự phát triển của luật Islam có thể chia thành các giai đoạn sau:

- Nhà tiên tri và sự mặc khải của Allah;

- Thế kỷ đầu tiên của Islam;

- Umayyad Caliphate và các chuyên gia luật học đầu tiên;

- Abbasids;

- Các trường phái Luật Islam mới và lý thuyết Cổ điển;

- Đế chế Ottoman;

- Luật Islam hiện đại.

Thời kỳ đầu tiên khi Qur'an được mặc khải, khái niệm luật được hiểu là các quy tắc áp dụng một cách thô sơ cho cá nhân và xã hội nói chung. Ví dụ như: Qur'an yêu cầu người Muslim phải quyên góp từ thiện, tuy nhiên lại không nói rõ số lượng chính xác là bao nhiêu. Những chi tiết như vậy sẽ được làm rõ trong Sunna của nhà tiên tri Muhammad. Vì vậy, việc nhà tiên tri qua đời đã để lại khoảng trống cho một trong những nguồn tham khảo luật quan trọng nhất.

Giai đoạn phát triển tiếp theo của Islam nằm trong tay những người đồng hành của nhà tiên tri Muhammad. Chính trong thời kỳ này, các tính năng luật pháp được hoàn thiện hơn, tạo ra thể chế pháp lý riêng cho xã hội Islam non trẻ. Với tư cách là người cai trị cũng như quản lý tối cao, các caliph đóng vai trò là những nhà lập pháp của cộng đồng. Vì vậy, trong toàn bộ thế kỷ đầu tiên của Islam, các hoạt động hành chính và lập pháp của chính quyền không thể tách rời. Mục tiêu của pháp luật Islam thời kỳ này là tổ chức lại các vùng đất mới chiếm được nhằm phục vụ lợi ích của người Arab. Tuy nhiên, về mặt luật pháp hình sự, các caliph đã thêm vào những hình phạt vốn không có trong Qur'an như ném đá đến chết đối với người phạm tội ngoại tình hay quan hệ tình dục trước hôn nhân. Ngoài ra, Abu Bakr, một trong những người đồng hành của nhà tiên tri đã có loạt hành động ảnh hưởng rất lớn đối với việc xây dựng luật bội giáo trong Islam. Điều này xuất phát từ tình trạng các bộ lạc Arab trước đây đã từng đóng tiền Zakat (từ thiện) nhưng sau khi nhà tiên tri qua đời thì họ đã đồng loạt phủ nhận nhiệm vụ này. Các caliph đã tiếp cận vấn đề này từ nhiều góc độ khác nhau. Trong khi Umar chủ trương hoà bình thì Abu Bakr coi các bộ lạc là phiến quân và khởi chiến cho đến khi họ trả tiền.

Giai đoạn thứ 3 thuộc về những người kế vị, thế hệ theo sau những người đồng hành cùng nhà tiên tri. Sự khởi đầu của thời kỳ này được đánh dấu bởi việc lập ra caliphate Umayyad. Quá trình này tiếp diễn đến đầu thế kỷ thứ tám (661-750). Việc chính quyền Umayyad dành phần lớn sự quan tâm đến sự nghiệp chính trị, kết hợp với lý tưởng tôn giáo Islam, đã tạo ra một khuôn khổ mới cho xã hội

Islam Arab được truyền bá rộng rãi trên các vùng lãnh thổ bị chinh phục. Thời kỳ này cũng là khi chính quyền Umayyads tiến hành các cuộc chiến chống lại Byzantines và những kẻ thù bên ngoài khác. Để thực hiện chức năng thiết yếu này, họ thu tiền từ dân chúng và nhận trợ cấp bằng tiền hay hiện vật từ những người Arab. Có thể thấy luật chiến tranh tương đối rõ ràng. Bên cạnh đó, chính quyền thời kỳ này cũng áp dụng mô hình văn phòng thanh tra thị trường (amil al-suq) có quyền hạn về kiểm soát trọng lượng, cách đo lường trên thị trường cũng như phát hiện các hành vi phạm tội. Từ đó phát triển chức năng của luật hay bảo vệ tiêu chuẩn đạo đức tôn giáo đúng đắn. Các thẩm phán (kadis) cũng được bổ nhiệm. Đây được coi là bước tiến quan trọng trong hệ thống luật Islam. Hình thức phân xử phổ biến ở thời kỳ đầu Islam vốn được kế thừa từ trước đó đã được thay thế hoàn toàn bởi hệ thống kadi Islam và các thẩm phán kadis.

Một điển hình khác cho sự đổi mới này là việc xoá bỏ các cơ quan tham vấn luật cũng như ban hành phán quyết (ijtihad ijma). Đáng chú ý rằng Ijtihad ijma là một hình thức phổ biến trong giai đoạn trước nhằm duy trì sự thống nhất và phát triển trong giới hạn cho phép. Tuy nhiên, không vì thế mà luật pháp không được phát triển trong giai đoạn này. Chính sự thiếu vắng ijtihad ijma đã khuyến khích các nhà luật riêng lẻ đẩy mạnh nghiên cứu, đặc biệt là ở các trung tâm học thuật Islalm tại Hijaz, Iraq, Syria và Ai Cập. Mối quan tâm chính của các chuyên gia xoay quanh việc luật tục đã đặt ra có phù hợp với các quy tắc của Qur'an và Islam nói chung hay không. Các nhóm chuyên gia ngoan đạo này tăng trưởng về số lượng và bắt đầu có sự gắn kết, tạo ra "trường phái luật cổ đại". Một số trường phái quan trọng của thời kỳ này là trường phái Kufa ở Iraq, Barsa ở Medina, Mecca ở Hijaz, và Syria ở Syria. Trường phái luật của Ai Cập chịu nhiều ảnh hưởng từ Barsa ở Medina. Sự khác biệt giữa các trường phái này chủ yếu do tính chất địa lý, điều kiện xã hội tại địa phương và luật tục có sẵn.

Khi chính quyền Umayyad bị Abbasid lật đổ năm 132 dương lịch (tức năm 750 theo lịch Hijri) thì luật Islam đã có đầy đủ các tính năng thiết yếu, đáp ứng nhu cầu của xã hội Islam về một hệ thống pháp luật riêng. Những Abbasid đầu tiên đã tiếp tục củng cố xu hướng Islam hoá. Tuy nhiên, để tạo ra sự khác biệt với Umayyad cũng như xây dựng nền tảng chính quyền chắc chắn hơn, các nhà lãnh đạo mới tuyên bố nhiệm vụ của họ chính là thiết lập sự cai trị của Thiên Chúa trên trái đất. Các Abbasid thu hút, khuyến khích những chuyên gia về luật tôn giáo đến toà án và đưa ra tư vấn về những vấn đề khác nhau. Ví dụ như chuyên gia Abu Yusuf đã viết một chuyên luận dài về tài chính công, thuế, tư pháp hình sự theo yêu cầu của caliph Harfin al-Rashid.

Các trường phái luật mới và lý thuyết "cổ điển" bắt đầu manh nha hình thành ngay trong lòng trường phái cổ đại. Đến giữa thế kỷ thứ hai theo lịch Hijri, nhiều chuyên gia tôn giáo đã bắt đầu đi theo những cơ quan có thẩm quyền tại địa phương họ sinh sống thay vì tự tiến hành các nghiên cứu học thuyết cá nhân của riêng mình. Những cơ quan này đảm bảo cho họ quyền được khác biệt đối với ý kiến của người lãnh đạo. Điều này dẫn đến hình thành các nhóm trường phái luật cổ điển. Nổi bật nhất trong trường phái luật cổ điển là chuyên gia Shafi'i. Ông bắt đầu sự nghiệp của mình với tư cách là thành viên của trường phái cổ đại Medina. Tuy nhiên học thuyết mà ông đã phát triển phá vỡ trường phái Medina và bất kỳ trường phái cổ đại nào khác. Các chuyên gia pháp luật khác bị thu hút bởi học thuyết mới của Shafi'i và họ dần trở thành trường phái luật riêng. Shafi'i được coi là người sáng lập trường phái luật đầu tiên về cơ sở độc quyền tư nhân. Tuy nhiên, trường phái

Shafi'i cũng bộc lộ những thiếu sót mà sau đó bắt buộc phải thay đổi. Sự phát triển từ trường phái luật đầu tiên, lý thuyết cổ điển cho rằng luật Islam dựa trên bốn nguyên tắc hoặc bốn nền tảng (usul-asl): Thiên Kinh Qur'an, Sunna của nhà tiên tri kết hợp với truyền thống được công nhận, sự đồng thuận của các học giả chính thống và phương pháp suy luận từ các án lệ Islam. Những chuyên luận của Tabari và Hanbalis đã đề cập đến các luận điểm này dưới góc độ khác nhau. Từ khoảng năm 700 Hijri (tức năm 1301 dương lịch), chỉ còn tồn tại 4 trường phái luật trong Islam chính thống, đó là: Hanafi, Maliki, Shafi'i và Hanbali.

Kết thúc chính quyền Abbasid, đế chế Ottoman đã chứng tỏ khả năng của mình trong việc thành lập một quốc gia Islam hoàn toàn tuân theo luật Thiêng. Quá trình Islam hoá của người Ottoman Thổ Nhĩ Kỳ là một sự kiện có tầm quan trọng sâu rộng trong lịch sử luật Islam. Các sultan Ottoman, đặc biệt là Selim I (1512-1520) và Suleyman I (1520 - 1560) và những người kế vị đã nghiêm túc hơn so với các nhà lãnh đạo Abbasid trong việc trở thành người thống trị ngoan đạo. Họ ủng hộ luật Islam, trường phái Hanafi. Toàn bộ quá trình quản lý hành chính, công lý đều dựa trên Shariah. Đế chế Ottoman xây dựng hệ thống chính quyền chặt chẽ đến từng đơn vị nhỏ nhất, phát triển hệ thống thống nhất đào tạo các chuyên gia và thẩm phán. Bên cạnh đó, chính quyền phân bổ một vị trí đặc biệt được gọi là Shaykh al-Islam, giám sát hoạt động của các thẩm phán và là người quyết định tính phù hợp của các chính sách nhà nước đối với Shariah. Luật hình sự dành một vị trí đáng kể cho các hình phạt về thể xác như: treo cổ kẻ phóng hoả hay ăn trộm, chặt tay tội phạm giả mạo và lừa đảo, ném đá đến chết nếu ngoại tình. Các thẩm phán kadis có chức năng giám sát đạo đức công cộng trong khi vị trí muhtasib chịu trách nhiệm giám sát thương mại và công nghiệp. Ở giai đoạn cuối thời kỳ này đã diễn ra một số cải cách về luật do Mahmfid II khởi xướng, nhưng những cải cách đó đã dẫn đến những xung đột với Shariah. Sự ảnh hưởng của các mô hình luật châu Âu trở nên rõ nét hơn, điển hình là sự ra đời của Bộ luật Thương mại (1850). Có thể nhận thấy sự phát triển của luật ở đây đang đi dần ra khỏi quỹ đạo của luật Islam.

Thế kỷ 19 và 20 đánh dấu sự lãng quên của các tín đồ Muslim đối với luật Islam. Nguyên nhân bắt nguồn từ chế độ thuộc địa tồn tại ở khu vực này. Cụ thể, nhiều quốc gia và dân tộc Muslim nằm dưới sự thống trị cả về chính trị và thương mại của châu Âu. Người Anh cai trị Ấn Độ và một số quốc gia Trung Đông, thuộc địa của Pháp nằm ở phần lớn Bắc Phi trong khi Hà Lan đặt thuộc địa tại Đông Ấn. Trong tình hình đó, luật pháp Islam ở các nước này đã dần bị Tây phương hoá. Đặc biệt là đạo luật Shariat năm 1937 của Anh ban hành tại Ấn Độ đã bãi bỏ thẩm quyền pháp lý của người Muslim ở đây. Cuối thế kỷ 20, người Muslim đã giành được độc lập và thành lập nên các quốc gia Muslim mới, hầu hết đều áp dụng luật pháp phương Tây, ví dụ như hệ thống luật pháp Ai Cập, Tunisia và Algeria. Ngoài ra, việc bãi bỏ chức vị caliphate Ottoman (1924) và thành lập Cộng hoà Thổ Nhĩ Kỳ đã dẫn đến việc luật Islam không được áp dụng tại đất nước này. Tuy nhiên, một số luật Islam vẫn được duy trì ở hầu hết các nước khác cho đến ngày nay, đặc biệt là luật liên quan đến hôn nhân, ly dị và thừa kế.

Như vậy, ta có thể thấy, ngay từ khi Kinh Qur'an mới được mặc khải đã mang trong mình tính luật pháp mạnh mẽ. Dựa trên những hướng dẫn trong đó, người Muslim đã thực thi tính lập pháp, tính hành pháp, tính tư pháp của tôn giáo này và đạt tới đỉnh cao phát triển trong lịch sử nhân loại.. Tuy nhiên, vì tính chất bất biến của Kinh cũng như các Sunnah của nhà tiên tri, cộng đồng Muslim đang dần

trở nên bối rối trước sự phát triển nhanh chóng của thế giới hiện nay. Những trường phái mới diễn giải Kinh và Sunnah được sinh ra nhằm đáp ứng những vấn đề cụ thể của xã hội như: nữ quyền Muslim trong phạm vi nào cho phép, chính trị thần quyền hay thế tục là phù hợp, tình trạng hôn nhân đồng tính… Bên cạnh xu hướng diễn giải Kinh mới, xuất hiện những tư tưởng hoàn toàn khác, tiêu biểu là: đưa xã hội trở về thời kỳ đầu Islam, với luật pháp thuần Islam như slogan của mạng lưới *Anh em Hồi giáo* trên khắp thế giới. Có thể nói, tư tưởng này là nguồn gốc và có ảnh hưởng mạnh mẽ đối với các tổ chức khác như Al-Qaeda và IS sau này. Tính luật pháp của Islam thể hiện sự cứng rắn, khó thay đổi, áp chế mạnh mẽ, đóng khung toàn bộ cộng đồng Muslim vốn ẩn chứa nhiều mâu thuẫn bên trong và liên tục va đập với đường biên này. Trong tương lai, sự đối kháng giữa các xu hướng mâu thuẫn này sẽ đặt ra nhiều vấn đề khủng hoảng cần phải giải quyết cho chính trị của các quốc gia Muslim.

3.2. Tư tưởng về trật tự xã hội Islam

Trật tự xã hội Islam, Ummah, chính là chứng nhân cho chân lý trước cả loài người. Với tầm quan trọng lớn lao này, Shariah dành phần lớn không gian để quy định về trật tự xã hội. Xuyên suốt chiều dài phát triển của Islam, khái niệm Ummah đã trờ thành một phần trung tâm của người Muslim nhờ cảm giác mỗi cá nhân là một phần tử của cộng đồng rộng lớn, đoàn kết, tạo ra sự cân bằng, dẫn đến niềm hy vọng được cứu rỗi.

Từ điển Oxford Islamic Studies Online định nghĩa Ummah là: "Cộng đồng Muslim: Một khái niệm cơ bản trong Islam, thể hiện sự thống nhất thiết yếu và bình đẳng về lý thuyết của người Muslim bất kể sự khác biệt về môi trường văn hoá và địa lý. Trong Kinh Qur'an, Ummah biểu thị dân tộc mà Allah đã gửi nhà tiên tri tới hoặc dân tộc là đối tượng trong kế hoạch cứu rỗi của Thiên Chúa" (Oxford Islamic Studies). Denny (1975:175) đã nghiên cứu ý nghĩa của Ummah trong Kinh Qur'an và đưa ra nhận định bao quát: "Ummah trong Qur'an thường dùng để chỉ cộng đồng người về mặt tôn giáo, biểu thị "tính dân tộc, ngôn ngữ hoặc tôn giáo của dân tộc, đối tượng của kế hoạch cứu rỗi". Đối với mỗi Ummah, Allah đã gửi tới một nhà tiên tri". Trong định nghĩa này, Denny đã chỉ ra sự tồn tại của nhiều Ummah trước cả khi nhà tiên tri Muhammad xuất hiện. Sau đó, cùng với nhà tiên tri Muhammad, các Ummah bao hàm Dân tộc Kinh thánh (ahl al-kitab): Dân tộc Do thái và Kito hữu. Như vậy, có thể hiểu Ummah trong Qur'an bao gồm Ummah của nhà tiên tri Moses hoặc Ummah của nhà tiên tri Jesus hay Ummah của nhà tiên tri Muhammad. Qua đó, Qur'an khẳng định thuở ban đầu, loài người là một Ummah nhưng do hoàn cảnh chia rẽ đã tách ra nhiều Ummah. Nhà tiên tri Muhamad là nhà tiên tri cuối cùng của Allah được phái đến cho nhân loại để gây dựng một Ummah vì lợi ích chung nhất và đây là Ummah tốt nhất.

Ummah dưới thời nhà tiên tri Muhammad được biết đến trong suốt lịch sử Islam trên toàn thế giới là một cộng đồng của tất cả các tín đồ hợp nhất về mặt sùng kính đối với một Allah duy nhất. Bất cứ ai theo đạo Islam đều trở thành thành viên của Ummah Muslim. Tất cả các thành viên, các tín đồ, được ràng buộc với nhau trong một gia đình gần gũi, là anh chị em của nhau. Các tín đồ không được phép thờ ơ đối với các bạn hữu mà phải đoàn kết, phối hợp với nhau như một cơ thể với tinh thần hợp tác, thiện chí, đồng cảm và đoàn kết. Cộng đồng Ummah tuân thủ nguyên tắc cơ bản nhất – đó là sự bình đẳng. Tất cả các thành viên đều có quyền và địa vị xã hội như nhau. Họ không phải chịu bất kỳ sự phân biệt chủng tộc, quốc gia hay giai cấp nào. Không ai bị coi thường vì nguồn gốc sinh ra hay công việc chính đáng của mình. Công đức của một người không phụ thuộc vào mối quan hệ gia đình hay sự giàu có

của cá nhân mà chỉ dựa vào các hành vi đạo đức trong cuộc sống.

Tuy nhiên, trong lịch sử hình thành Ummah, đặc biệt là thế kỷ thứ 10, các tín đồ nhánh Ismaili và một số nhà tư tưởng khác chịu ảnh hưởng của triết học đã ủng hộ hệ thống phân cấp xã hội, thừa nhận tính tất yếu của thái độ phục tùng của giai cấp thấp hơn. Hệ thống phân cấp này không chỉ dành riêng cho con người mà bao quát toàn bộ thế giới sống. Theo Ismaili, hệ thống phân cấp được minh hoạ như sau: khoáng sản < thực vật < động vật < con người. Trong con người lại chia ra: con người bình thường < các nhà tiên tri. Sự phân cấp này dựa trên nhận thức tôn giáo chứ không phải các tiêu chí về mức độ giàu có hay sức mạnh quân sự. Nói cách khác, sự phân phối của cải và quyền lực được thể hiện qua sự lãnh đạo tôn giáo (Crone, 2004) Trong khi đó, các nhà triết học theo trường phái Sufi lại không đồng tình với quan điểm này. cho rằng hệ thống đạo đức và cấp bậc chính trị - xã hội là tách biệt. Các biểu hiện xuất sắc về đạo đức, tinh thần không nhất thiết cần được khen thưởng bằng một địa vị chính trị xã hội cao, sự phân cấp về đạo đức, xã hội không trùng khít với phân cấp chính trị.

Đối với vấn đề phân chia giai cấp xã hội có nhiều ý kiến trái chiều; đa số các nhà tư tưởng Islam thời trung cổ đều thống nhất về vị trí của phụ nữ, đó là: trong nhà. Mục đích của tồn tại phụ nữ là tiếp nối nòi giống của chủng tộc. Nghĩa vụ của họ là phải tránh xa các hoạt động chính trị, xã hội, không làm phiền đàn ông làm việc. Mặc dù có nhiều nhà tư tưởng Islam đi theo Plato, dành sự quan tâm đến công trình *Cộng hoà* của ông nhưng họ vẫn coi sự phụ thuộc của phụ nữ vào đàn ông là điều tự nhiên. Ibn Sina đã nói: "anh ấy phải sở hữu cô, chứ không phải cô ta sở hữu anh ấy" (Michael F.Marmura, 1983). Trong số các học giả tôn giáo, al-Tabari (mất năm 923) gây chú ý với quan điểm phụ nữ có thể được bổ nhiệm làm thẩm phán. Những người theo trường phái Hanafi cũng ủng hộ lập luận này nhưng lại giới hạn thêm rằng phụ nữ chỉ có thể hoạt động trong lĩnh vực dân sự chứ không phải hình sự. Bất chấp số ít tư tưởng mang tính cải cách, hầu hết những chuyên gia Islam đều phủ nhận khả năng của phụ nữ trong vai trò thẩm phán. Al-Shafi'i khẳng định đây là một ý tưởng ngớ ngẩn. Tách phụ nữ ra khỏi cuộc sống công cộng là một trong những hình phạt mà Allah dành cho Eve vì tội lỗi đã gây ra (Thackston, 1987).

Trải qua thời kỳ phát triển đỉnh cao, nhiều quốc gia Muslim chịu ảnh hưởng của phương Tây trong thời gian thuộc địa; một số quy tắc cũ đã dần được thay thế, tiến đến xã hội phát triển hơn. Tuy nhiên, một vài dấu vết của những định kiến cũ vẫn còn lưu lại đến ngày nay. Bên cạnh đó, một số yếu tố khác được giữ nguyên và củng cố vững chắc hơn, trong đó có quy định về gia đình. Gia đình được coi là đơn vị cấu tạo cơ bản nhất của xã hội. Islam coi gia đình là nguồn gốc của sự tiến bộ, phát triển và là sức mạnh của xã hội. Vì lẽ đó, Islam dành nhiều sự quan tâm đến các vấn đề liên quan đến gia đình và cố gắng thiết lập nó trên nền tảng vững chắc nhất có thể. Mối quan hệ đúng đắn giữa nam và nữ là hôn nhân hợp pháp. Các hoạt động ngoại tình và hành vi vô trách nhiệm khác bị coi là mang tính chất công kích vào gốc rễ của xã hội, khép vào tội hình sự. Các hình phạt nghiêm khắc được ban bố để ngăn chặn hành động phạm tội. Islam không ủng hộ tình trạng độc thân mà kêu gọi thanh niên đảm nhận trách nhiệm xã hội; đó là: xây dựng cuộc sống hôn nhân. Người Muslim tin rằng sống khổ hạnh và độc thân là hành động nổi loạn, chống lại kế hoạch của Allah.

Nếu coi gia đình là nhân tố cơ bản nhất của xã hội thì Islam tiếp tục mở rộng giới hạn của nhân tố ấy để đạt tới mức độ bao quát lớn

hơn của gia đình, đó là: các mối quan hệ họ hàng và chung huyết thống. Islam muốn tất cả anh em họ hàng phải thương yêu, hợp tác và giúp đỡ lẫn nhau. Kinh Qur'an đã dành nhiều vị trí để hướng dẫn tín đồ duy trì quan hệ tốt đẹp với họ hàng của mình. Hadith của nhà tiên tri còn nhấn mạnh cách hành xử đúng đắn trong quan hệ huyết thống được coi là một trong những đức tính cao cả nhất. Tuy nhiên, Islam không ủng hộ các mối liên kết họ hàng mà gây ra tình trạng thiên vị, bất công trong xã hội. Điều này cũng đồng nghĩa với việc phản đối các mối quan hệ họ hàng trong bộ máy chính phủ nhằm thao túng quyền lực.

Các quy định về xã hội Islam tiếp tục được mở rộng ra phạm vi hàng xóm, những người sống xung quanh. Tín đồ Muslim được dạy phải đối xử tốt với hàng xóm của mình. Nếu bản thân được sống no đủ nhưng lại tỏ ra thờ ơ đối với hàng xóm khó khăn, thiếu thốn thì người ấy không được coi là Muslim chân chính. Tín đồ thực sự là người nếu mang đồ ăn về cho con cái, gia đình mình thì sẽ chia lại một phần dù nhỏ cho hàng xóm hoặc ít nhất sẽ không vứt vỏ, đồ thừa khiến cho họ nhìn thấy mà buồn lòng.

Trên tất cả, nguyên tắc lớn mà Islam muốn mọi mối quan hệ trong xã hội vận hành dựa trên nó, bảo đảm cấu trúc của xã hội, đó là: hợp tác vì hành vi tốt và công bằng, không hợp tác nếu đó là tội lỗi hay bất công (al-Maidah 5:2).

3.3. Tư tưởng về quyền lực chính trị của Islam

Islam đòi hỏi ở mỗi tín đồ niềm tin thánh thần được thực hiện dựa trên cam kết vững chắc và khắt khe về việc tuân thủ những khuôn khổ luật lệ, cấu trúc xã hội và sự quản lý mà Qur'an hay nhà tiên tri Muhammad đã chỉ dạy. Như vậy, có thể thấy, tư tưởng chính trị là cốt lõi trung tâm của Islam giáo. Điều này được thể hiện rất rõ ràng trong suốt lịch sử phát triển của Islam thông qua các cuộc đấu tranh giành vị trí lãnh đạo tín đồ. Quyền lực của vị trí này được thừa nhận cả về mặt tôn giáo và chính trị, có khả năng ban hành những quy định tôn giáo hay phát động chiến tranh quân sự.

Sau khi nhà tiên tri Muhammad qua đời, tín đồ Muslim đặt ra câu hỏi về người kế vị, lãnh đạo tôn giáo giữa bối cảnh phức tạp khi mà đã xuất hiện những khác biệt giữa các nhóm người. Cuộc tranh cãi xung quanh vấn đề này nổ ra ngay cả khi tang lễ của nhà tiên tri chưa kết thúc. Cuối cùng, Abu Bakr, một trong những người đồng hành của nhà tiên tri đồng thời cũng là cha của bà A'isha – một trong các bà vợ của nhà tiên tri đã đứng lên giành vị trí lãnh đạo người Muslim. Tuy nhiên, một số tín đồ khác thì cho rằng con rể của nhà tiên tri - Ali - xứng đáng với vị trí đó hơn cả. Ali là một trong những người cải đạo sang Islam đầu tiên và đã chiến đấu can đảm cùng với Muhammad trong tất cả các trận chiến giữ vững sự sống còn của cộng đồng Islam non trẻ. Những người thân của nhà tiên tri cảm thấy bất bình khi họ không được thông báo để thảo luận về vấn đề người kế vị. Sự mâu thuẫn diễn ra vô cùng khắc nghiệt và gần như chấm dứt khi những người ủng hộ Abu Bakr chiếm đa số tín đồ. Họ sau này được gọi là người Sunni và hiện nay chiếm khoảng 80% số người Muslim (S.B, 2015) Sau đó, Ali cũng đã tuyên thệ trung thành với Abu Bakr. Sau khi ổn định chính quyền, Abu Bakr đã ra hai lệnh cấm khẩn cấp nhằm ổn định cộng đồng Muslim:

- Cấm tín đồ rời bỏ cộng đồng Islam;
- Cấm tự xưng là nhà tiên tri vì Muhammad là nhà tiên tri cuối cùng.

Cùng với sử dụng bạo lực, Abu Bakr đã phá tan các âm mưu chia rẽ, ly khai cộng đồng Islam. Chỉ sau 2 năm, toàn bán đảo Arab đã theo đạo Islam và được chia thành các quốc gia độc lập: Saudi Arabia, Yemen, Qatar, Oman và UAE.

Ngay sau thời gian cầm quyền ngắn ngủi kéo dài 2 năm, trước khi chết, Abu Bakr đã đề cử Umar Khattab vào vị trí lãnh đạo caliph tiếp theo. Trong vòng 10 năm nắm quyền, Umar đã chứng tỏ mình là thiên tài quân sự trong lịch sử Islam khi xâm chiếm Iraq, Syria, Ba tư, Byzantine, Palestine, Ai Cập, Algeria, Tunisia và Maroc. Năm 644, Umar đề xuất ý tưởng chọn nhà lãnh đạo bằng cách trưng cầu ý kiến, điều này gây lo ngại cho những người đề cao chủ nghĩa gia đình, cho rằng người trong gia tộc nắm giữ các chức vụ chính quyền là điều đương nhiên. Sự bất mãn ngày càng lan rộng và có thể là nguyên nhân dẫn đến vụ ám sát Umar cũng trong năm đó.

Năm 644, Uthman, cánh tay phải của Umar đã lên nắm chính quyền, tiếp tục nối dài các thành tựu quân sự của người tiền nhiệm. Trong vòng 12 năm, đội quân Islam đã chiếm Hy Lạp và nhiều nước phía đông Địa Trung Hải, chiếm Libya, Armenia, Caucase (Cáp-ca-dơ) của Nga, Bắc Ấn Độ (Afganistan và Pakistan ngày nay). Các trận chiến diễn ra liên tiếp khiến cho quân lính Ả rập thấy chán nản. Năm 656, một nhóm tướng sĩ đã trở về Medina, ám sát Uthman và đưa Ali lên giữ chức caliph thứ 4 của người Muslim.

Tuy nhiên, sự do dự, không quyết đoán của Ali trước việc xử lý các thủ lĩnh nổi loạn, âm mưu ám sát Umar hay sự bất lực, không thể đoàn kết cộng đồng dưới quyền lãnh đạo của mình đã dẫn đến mâu thuẫn sâu sắc hơn. Một trong những nhân vật quyền lực đã từ chối thừa nhận vị trí thủ lĩnh của Ali; đó là A'isha, con của Abu Bakr, một trong những người vợ của nhà tiên tri. Trận chiến mang tên Lạc đà đã nổ ra năm 656 giữa Ali và các đối thủ mà lãnh đạo chủ yếu là A'isha. Lực lượng của A'isha đã thất bại trong trận chiến này. Bên cạnh đó, Ali còn mang quân đánh Muawiyah, người nhà của caliph tiền nhiệm Uthman. Hai bên giằng co, bất phân thắng bại nên phải đình chiến.

Năm 662, Ali bị ám sát, Muawiyah lúc đó đang là thế lực quân sự mạnh nhất nên tự xưng là caliph tiếp theo, dựng nên triều đại Umayyad, dời thủ đô từ Medina đến Damascus (Syria). Triều đại Umayyad kéo dài đến 6 thế kỷ, tất cả các vị vua đều tự xưng là caliph, có đầy đủ tư cách là người kế vị Muhammad.

Năm 680, con trai của Ali là Hussein bị giết hại tại Karbala (Iraq ngày nay) bởi vua caliph Yazi (con trai của Muawiyah). Sự kiện này cùng với những mâu thuẫn có sẵn trước đó xung quanh tính chính danh của người lãnh đạo đã dẫn đến hận thù sâu sắc khắc đậm trong cộng đồng Muslim. Những người Sunni với lợi thế số đông vẫn tiếp tục chế độ cai trị, số còn lại được gọi là Shia, cách viết ngắn gọn của "shiaat Ali", nghĩa là những người đi theo Ali. Người Shia coi các Imam, tức mười hai người hậu duệ của Ali là lãnh tụ chân chính tiếp theo của mình. Dù các Imam này có khả năng lãnh đạo chính trị vào thời điểm đó hay không thì tín đồ Shia vẫn tin rằng đó là hậu duệ trực tiếp của gia đình nhà tiên tri, những người lãnh đạo hợp pháp duy nhất của cộng đồng Islam. Và trong danh sách những người kế vị ấy, người Shia lại tiếp tục chia rẽ thành nhiều dòng khác nhau do sự sai biệt trong quan điểm. Sự lựa chọn Imam thứ năm và thứ bảy là hai trong số nhiều sự kiện dẫn đến sự rẽ nhánh của người Shia. Tuy nhiên, phần lớn trong số những tín đồ này công nhận mười hai hậu duệ của nhà tiên tri là các Imam, lãnh đạo cộng đồng Islam như sau:

1. Ali ibn Abi Talib (mất năm 661)

2. al- Hasan ibn Ali (mất năm 670)

3. al-Husayn ibn Ali (mất năm 680)

4. Ali ibn al-Husayn còn được gọi là Zayn al-Abidin (mất năm 712)

5. Muhammad al-Baqir (mất năm 732)

6. Ja'far al-Sadiq (mất năm 765)

7. Musa al-Kazim (mất năm 799)

8. Ali al-Rida (mất năm 818)

9. Muhammad al-Jawad (mất năm 835)

10. Ali al-Hadi (mất năm 868)

11. Hasan al-Askari (mất năm 874)

12. Muhammad al-Mahdi (vị Imam này đã mất tích vào thế kỷ thứ 9 và được coi là Imam "ẩn náu". Người Shia luôn tin rằng một ngày nào đó Imam này sẽ tái xuất để thực hiện thánh ý)

(Saeed, 2006)

Thế kỷ 13 đánh dấu bằng sự kiện người Mông Cổ lập ra đế quốc rộng lớn thông qua các cuộc xâm chiếm Trung Quốc, Cao Ly, Ngoại Mông, hàng chục nước Trung Á, Bắc Ấn, Syria, Palestine và Thổ Nhĩ Kỳ. Năm 1295, hoàng đế Mông Cổ Ghazan Khan (Hợp Tán Hãn) đã theo đạo Islam, dòng Sunni. Từ đây, đế quốc Mông Cổ đều trở thành tín đồ Muslim thành tín và tiếp tục công cuộc mở rộng biên giới sang các nước khác và biến các vùng đất đó theo Islam. Đế quốc Mông Cổ tan rã vào năm 1831.

Năm 1280, một bộ lạc du mục phía tây Thổ Nhĩ Kỳ bắt đầu khởi binh mở rộng lãnh thổ và nhanh chóng thành lập đế quốc Ottoman lừng lẫy với toàn bộ người lãnh đạo đều theo phái Sunni. Trong thời gian bảy thế kỷ tồn tại, Ottoman đã đánh chiếm Albania, Kosovo và hàng chục quốc gia khác, biến vùng này thành nước theo Islam, đồng thời xoá sổ đế chế Byzantine, chặn đứng sự bành trướng của Kito giáo xuống bán đảo Ả Rập, Trung Đông, trở thành siêu cường quốc tế. Bên cạnh các cuộc chiến mang tính chất mở mang lãnh thổ, Ottoman còn phát động thánh chiến với phái Shia, lùng giết các tín đồ thuộc dòng này.

Năm 1501, một nhánh giáo phái Shia là Safavdis xuất phát từ Azerbaiza đã khởi binh đánh chiếm cả nước. Lãnh tụ giáo phái là Ismail tự xưng là Sultan, lên ngôi vua và ra lệnh toàn dân phải theo đạo Islam, dòng Shia. Sau đó, Ismail đánh chiếm các nước lân cận theo Chính thống giáo là Armenia, Georgia, Caucase của Nga và gây hấn với đế quốc Ottoman theo phái Sunni. Cũng trong thời gian này, một nhóm khác cũng thuộc phái Shia ở Ba Tư nổi dậy cướp chính quyền của dòng Sunni và ra lệnh toàn bộ đất nước phải theo Shia. Vua Ba Tư được gọi là Sha vừa là vua, vừa là giáo chủ. Đế quốc Safavdis tồn tại đến thế kỷ 18 thì sụp đổ.

Như vậy, xét về lịch sử Islam giáo, đến trước thế kỷ 13, hầu hết các cuộc chiến nổ ra mang mục đích tranh giành quyền lãnh đạo, vị trí caliph. Thông qua các caliph, quyền lực chính trị và quyền lực tôn giáo được thống nhất trong một người. Điều này trước hết nhằm ổn định xã hội Islam non trẻ vừa thành lập, đối phó với những bất ổn xảy ra khi nhà tiên tri qua đời. Giai đoạn tiếp theo, từ thế kỷ 13 đến đầu thế kỷ 20, có thể nói đây là giai đoạn phát triển rực rỡ nhất của tôn giáo này. Trong khoảng 200 năm, từ thế kỷ 16 đến thế kỷ 18, cả ba đế quốc Mông Cổ, Ottmoman và Safavdis cùng tồn tại, chia nhau thống trị thế giới Islam rộng lớn, không chỉ thống trị về quyền lực chính trị mà còn mở rộng lãnh thổ tôn giáo. Qua lịch sử trên, có thể thấy quyền lực chính trị Islam luôn gắn liền với quyền lực tôn giáo mặc dù mục đích chính trị thay đổi.

4. Kết luận

Bài viết này đã cụ thể hoá tư tưởng chính trị của Islam qua ba bình diện: tư tưởng luật pháp, tư tưởng trật tự xã hội, tư tưởng quyền lực. Hiện nay, nền chính trị của các quốc gia mà Islam là tôn giáo chủ đạo đã có những sự phát triển khác nhau(ví dụ: Saudi Arabia theo chế độ quân chủ chuyên chế; Maroc theo chế độ quân chủ lập hiến; Ai Cập theo chế độ Cộng hoà…). Tuy nhiên, dù chế độ của quốc gia ấy là gì thì ảnh hưởng của Islam đối với chủ thể

chính trị vẫn luôn mạnh mẽ và được thể hiện nổi bật nhất qua ba bình diện trên. Việc phân tích đặc tính chính chính trị của Islam khiến cho việc lý giải những hiện tượng xã hội, văn hoá của các quốc gia vùng Trung Đông – châu Phi trở nên dễ dàng hơn.

Chú thích

Ibn Sina: (phiên âm tiếng Ả rập), tên chữ Latin là Avicenna: nhà học giả, thầy thuốc, nhà triết học. Ông được coi là người đặt nền móng cho y học và dược lý lâm sàng hiện đại, chịu ảnh hưởng lớn của Islam giáo.

Al-Tabari: Nhà sử học người Iran dưới thời Abbasid. Ông nổi tiếng trong lĩnh vực nghiên cứu Qur'an, luật học Islam và lịch sử thế giới với các tác phẩm dưới dạng thơ, từ điển, ngữ pháp học, đạo đức, toán học.

Tài liệu tham khảo

Tiếng Việt

Hội đồng Quốc gia chỉ đạo biên soạn Từ điển bách khoa Việt Nam (2000). *Từ điển Bách khoa Việt Nam*, Quyển 1. Hà Nội: NXB Từ điển Bách khoa.

S.B. (2015). *What is the difference between Sunni and Shia Muslims?* [Người Hồi giáo Sumni và Shia khác nhau ở chỗ nào] (T. Vu, Dịch). http://nghiencuuquocte.org/2015/11/17/nguoi-hoi-giao-sunni-va-shia-khac-nhau/, truy cập ngày 28/7/2019 (Bản gốc xuất bản năm 2013)

Tiếng Anh

Bowering, G. (2015). *Islamic political thought: An introduction.* Princeton University Press,

Crone, P. (2004). *Medival Islamic Political Thought*. Edinburgh University Press

Denny, F. M. (1975). The meaning of "Ummah" in the Qur'an. *History of Religions*,. *15*(1), 34-70.

Deutsh, L. K., & Joseph, R. F. (2009). *An Invitation to Political Thought*. Thomson Higher Education, USA

Marmura, Michael F. (1983) chương *The Islamic philosophers' conception of Islam*, trong Islam's understanding of itself, Underna Publication

Saeed, A. (2006). *Islamic thought: An introduction*. London and New York: Routledge Taylor & Francis group.

Schacht, J. (1982). *An Introduction to Islamic Law*. Oxford University Press.

Thackston (1987) *The tales of the Prophets of al-Kisa'i,* Twayne Publisher, Boston

Oxford Islamic studies, http://www.oxfordislamicstudies.com/article/opr/t125/e2427, truy cập ngày 6/8/2019.

ISLAMIC POLITICAL THOUGHT

Nguyen Thi Hong Hanh

VNU University of Languages and International Studies
Pham Van Dong, Cau Giay, Hanoi, Vietnam

Abstract: Islam is the second largest religion in the world with the rapidly growing number of followers throughout the five continents. In this context, Islam plays an increasingly important role in social life, especially in the political field. Undeniably, recent events show that the influence of Islamic political thought on various activities such as politics and military is profound. In this article, the author presents an overview of Islamic political thought through three dimensions, namely: Islamic law, Islamic social order, and Islamic political power.

Keywords: Islamic, law, social order, political power